

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/HNGĐ-ST
Ngày 24 - 01 - 2019
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lệ Kiều

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Mậu Thìn

2. Bà Quách Thị Thêu

- Thư ký phiên tòa: Ông Tăng Giàu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:
Ông Trịnh Út Mười - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2018/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2018 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Châu Thị Huỳnh H, sinh năm 1977; cư trú tại Khóm 10, ấp II, thị trấn H, huyện G (nay là Khóm 2, phường H, thị xã G), tỉnh Bạc Liêu (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông B, sinh năm 1941; cư trú tại USA (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/3/2018 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Châu Thị Huỳnh H trình bày: Bà và ông B có đăng ký kết hôn tại Sở Tư pháp tỉnh Bạc Liêu và được Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 04/4/2012. Sau khi kết hôn, bà và ông B có sống chung với nhau ở nhà cha mẹ ruột bà, địa chỉ: Khóm 2, phường H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu được khoảng 01 năm, sau đó ông B trở về Hoa Kỳ và đến nay ông B không trở lại Việt Nam. Từ năm 2013 đến nay bà và ông B không còn liên lạc với nhau. Do quá trình chung sống bà và ông B thường xuyên cãi vã nhau, tính tình không hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm, từ năm 2013 đến nay ông B không quan tâm, chăm sóc và cũng không có trách nhiệm với bà nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà

yêu cầu Tòa án cho tôi được ly hôn với ông B. Về con chung, tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu xem xét.

Đối với bị đơn ông B: Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu đã thực hiện việc tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho ông B theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Tòa án không nhận được văn bản trả lời của ông B về những vấn đề có liên quan đến quan hệ hôn nhân giữa ông B với bà Hoa và ông B cũng không về Việt Nam tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nên vụ án không tiến hành hòa giải được, ông B cũng không tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm: Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 122, Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Châu Thị Huỳnh H đối với ông B. Về con chung và tài sản chung không có, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Châu Thị Huỳnh H; cư trú tại Khóm 2, phường H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu; bị đơn ông B; cư trú tại USA, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 37 và điểm d khoản 1 Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu thực hiện việc ủy thác tư pháp tổng đạt cho ông B theo đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, ông B không tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án và bà Châu Thị Huỳnh H có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ khoản 1 Điều 228 và điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông B và bà Hoa.

[4] Về nội dung: Bà Châu Thị Huỳnh H và ông B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Sở Tư pháp tỉnh Bạc Liêu, được Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 04/4/2012. Nên có cơ sở để xác định hôn nhân giữa bà Châu Thị Huỳnh H và ông B là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật Việt Nam bảo vệ.

[5] Sau khi kết hôn, bà Châu Thị Huỳnh H và ông B có sống chung với nhau ở nhà cha mẹ ruột bà Hoa, địa chỉ: Khóm 2, phường H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu được khoảng 01 năm, sau đó ông B trở về Hoa Kỳ và đến nay ông B không trở lại Việt Nam. Từ năm 2013 cho đến nay ông B không còn về Việt Nam. Hội đồng xét xử xét thấy, theo Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “Vợ

chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”, nhưng kể từ năm 2014 đến nay, bà Hoa và ông B không còn sống chung, không gặp mặt và bà Hoa cũng không thể sang Mỹ để đoàn tụ với ông B.

[6] Hiện nay, bà Châu Thị Huỳnh H và ông B sinh sống ở hai Quốc gia khác nhau, không còn liên lạc với nhau, nên mục đích hôn nhân của ông bà không đạt được. Như vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Châu Thị Huỳnh H đối với ông B.

[7] Về con chung và tài sản chung: Bà Châu Thị Huỳnh H xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng ông bà không có con chung và tài sản chung, nên không yêu cầu giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[8] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và lệ phí ủy thác tư pháp: Bà Châu Thị Huỳnh H phải chịu theo quy định của pháp luật.

[9] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Châu Thị Huỳnh H, xử cho bà Châu Thị Huỳnh H được ly hôn với ông B. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 37, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280, khoản 1 Điều 288, điểm a khoản 5 Điều 477 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 122, Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình; Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án; Điều 48 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Châu Thị Huỳnh H đối với ông B.

1. Về hôn nhân: Cho bà Châu Thị Huỳnh H được ly hôn với ông B.

2. Về con chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Châu Thị Huỳnh H phải chịu 300.000 đồng. Bà Hoa đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006241 ngày 21/3/2018 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

5. Về lệ phí ủy thác tư pháp: Bà Châu Thị Huỳnh H phải chịu 200.000 đồng. Bà Hoa đã nộp tạm ứng số tiền 200.000 đồng theo biên lai thu số 0001310 ngày 04/4/2018 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu lệ phí ủy thác tư pháp.

Án xử sơ thẩm công khai, bà Châu Thị Huỳnh H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án và ông B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- CTHADS tỉnh Bạc Liêu;
- UBND tỉnh Bạc Liêu;
- Đường sự;
- Lưu: Tổ HCTP, hồ sơ vụ án.

Đã ký tên và đóng dấu

Nguyễn Lệ Kiều

